

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2022
V/v ly hôn giữa chị H và A N

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thu Hương
Bà Phạm Hồng Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký tòa án nhân dân Huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện N tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hèn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, trả chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H – Sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A (xóm 7 cũ), xã N, Huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: A Nguyễn Đức N – Sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A (xóm 7 cũ), xã N, Huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2022, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và A Nguyễn Đức N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, Huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Năm 2019 chị đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó chị và A N đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn A Nguyễn Đức N.

Về nuôi con chung: Giữa chị và A N có 02 con chung là Nguyễn Thế A, sinh ngày 04/12/2013 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 20/11/2015 các con đang ở với chị. Khi vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân có thu nhập 09 triệu đồng 01 tháng đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu A N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và A N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn: A Nguyễn Đức N đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng A không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với bà Nguyễn Thị Xuyên (mẹ đẻ của A N) thể hiện: A Nguyễn Đức N kết hôn với chị Trần Thị H là người cùng xã, vợ chồng A N có 02 con chung là Nguyễn Thế A và Nguyễn Đức H hiện đang ở với chị H. A N, chị H vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã N, việc chị H làm đơn xin ly hôn A N với nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào bà không biết, nên bà không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và A Nguyễn Đức N.

- Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao 02 con chung là Nguyễn Thế A, sinh ngày 04/12/2013 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 20/11/2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu A N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn;

- Về quyền kháng cáo: Dương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. A Nguyễn Đức N đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập phiên

tòa hợp lệ. Tại phiên tòa lần thứ 2 A N vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và A Nguyễn Đức N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, Hện N, tỉnh Nam Định vào ngày 23/7/2014, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu H phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ năm 2019 A chị đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với A N được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. A Nguyễn Đức N biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H với A, nhưng A không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị H.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị H và A N không H phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn A Nguyễn Đức N của chị Trần Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và A N có 02 con chung là Nguyễn Thế A, sinh ngày 04/12/2013 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 20/11/2015 hiện đang ở với chị H.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của các con, đề nghị của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án A N vắng mặt không có ý kiến gì về việc nuôi con chung; chị H có nguyện vọng tiếp tục, trực tiếp nuôi các con chung; các cháu Thế A và Đức H đều có ý kiến khi bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện nay chị đang làm công nhân có thu nhập ổn định, nên chị không yêu cầu A N phải cấp dưỡng. Xét nguyện vọng của chị H là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao các con chung là Nguyễn Thế A và Nguyễn Đức H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu A N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; A N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, A N không có ý kiến gì nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và A Nguyễn Đức N

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao các con chung là Nguyễn Thế A, sinh ngày 04/12/2013 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 20/11/2015 cho chị Trần Thị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu A N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, A N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 0004685, ngày 04 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện N, tỉnh Nam Định

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Hện N;
- Chi cục THADS Hện N;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh